

Số : /QyĐ-ĐHQN

Gia Lai, ngày tháng 6 năm 2026

QUY ĐỊNH

**Về mức thu học phí năm học 2026-2027 đối với đào tạo trình độ thạc sĩ
và mức thu học phí tạm tính từ năm học 2026-2027 đối với đào tạo trình độ tiến sĩ
Khóa 15 tuyển sinh trong năm 2026**

Căn cứ quy định về quyền hạn, trách nhiệm của Hiệu trưởng theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quy Nhơn ban hành tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐT ngày 29/7/2025 của Hội đồng Trường Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-HĐT ngày 20/12/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Quy Nhơn về việc ban hành Quy định về Lộ trình tăng học phí và tính giá dịch vụ đào tạo của Trường Đại học Quy Nhơn.

Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn quy định mức học phí năm học 2026-2027 đối với đào tạo trình độ thạc sĩ và mức thu học phí tạm tính từ năm học 2026-2027 đối với đào tạo trình độ tiến sĩ Khóa 15 tuyển sinh trong năm 2026 tại Trường như sau:

I. Mức học phí học lần đầu phân theo ngành, khối ngành

1. Mức học phí đào tạo trình độ thạc sĩ năm học 2026-2027 (Thu theo niên chế)

STT	Khối ngành	Mã số	Tên ngành	Mức học phí (đồng)		
				Một tháng	Một học kỳ (5 tháng)	Một năm học (10 tháng)
1	Khối ngành I	8140114	Quản lý giáo dục	2.685.000	13.425.000	26.850.000
2		8140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	2.685.000	13.425.000	26.850.000
3		8140110	Lý luận và phương pháp dạy học tiểu học	2.685.000	13.425.000	26.850.000
4		8140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn GDTC	2.685.000	13.425.000	26.850.000
5	Khối ngành III	8340101	Quản trị kinh doanh	2.685.000	13.425.000	26.850.000
6		8340301	Kế toán	2.685.000	13.425.000	26.850.000
7		8340201	Tài chính - Ngân hàng	2.685.000	13.425.000	26.850.000

8	Khối ngành IV	8440217	Địa lí tự nhiên	2.895.000	14.475.000	28.950.000
9		8440113	Hóa vô cơ	2.895.000	14.475.000	28.950.000
10		8440119	Hóa lí thuyết và hóa lí	2.895.000	14.475.000	28.950.000
11		8420114	Sinh học thực nghiệm	2.895.000	14.475.000	28.950.000
12		8440104	Vật lý chất rắn	2.895.000	14.475.000	28.950.000
13	Khối ngành V	8460104	Đại số và lí thuyết số	3.135.000	15.675.000	31.350.000
14		8460113	Phương pháp toán sơ cấp	3.135.000	15.675.000	31.350.000
15		8460102	Toán giải tích	3.135.000	15.675.000	31.350.000
16		8520201	Kỹ thuật điện	3.135.000	15.675.000	31.350.000
17		8520208	Kỹ thuật viễn thông	3.135.000	15.675.000	31.350.000
18		8904648	Khoa học dữ liệu	3.135.000	15.675.000	31.350.000
19		8480101	Khoa học máy tính	3.135.000	15.675.000	31.350.000
20	Khối ngành VII	8229013	Lịch sử Việt Nam	2.865.000	14.325.000	28.650.000
21		8229020	Ngôn ngữ học	2.865.000	14.325.000	28.650.000
22		8310201	Chính trị học	2.865.000	14.325.000	28.650.000
23		8310110	Quản lý kinh tế	2.865.000	14.325.000	28.650.000
24		8220201	Ngôn ngữ Anh	2.865.000	14.325.000	28.650.000

2. Mức học phí đào tạo trình độ tiến sĩ từ năm học 2026-2027 trở đi đối với Khóa 15 tuyển sinh trong năm 2026 (Mức thu theo tín chỉ tạm tính)

TT	Khối ngành	Mã số	Tên ngành	Tổng số tín chỉ toàn khóa học	Mức học phí toàn khóa tạm tính (đồng)	Mức học phí/tín chỉ tạm tính (đồng)
1	Khối ngành IV	9440104	Hóa lí thuyết và hóa lí	90	223.928.000	2.488.000
2	Khối ngành V	9460104	Đại số và lí thuyết số	90	242.492.000	2.694.000
3		9460102	Toán giải tích	90	242.492.000	2.694.000
4		9520201	Kỹ thuật điện	90	242.492.000	2.694.000
5	Khối ngành VII	9220201	Ngôn ngữ Anh	90	221.608.000	2.462.000

II. Mức học phí học lại phân theo ngành, khối ngành

1. Mức học phí đào tạo thạc sĩ năm học 2026-2027

TT	Khối ngành	Mức học phí tạm tính /tín chỉ (đồng)	Ghi chú
1	Khối ngành I	895.000	
2	Khối ngành III	895.000	
3	Khối ngành IV	965.000	
4	Khối ngành V	1.045.000	
5	Khối ngành VII	955.000	

2. Mức học phí đào tạo tiến sĩ năm học 2026-2027

TT	Khối ngành	Mức học phí tạm tính/tín chỉ (đồng)	Ghi chú
1	Khối ngành IV	2.144.000	
2	Khối ngành V	2.322.000	
3	Khối ngành VII	2.122.000	

III. Mức học phí cho thời gian gia hạn bảo vệ luận văn, luận án

Học viên gia hạn bảo vệ luận văn, luận án phải nộp khoản học phí bằng 1/3 mức học phí tại thời điểm gia hạn và tính theo thời gian trên Quyết định gia hạn.

IV. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực cho năm học 2026-2027. Đối với đào tạo trình độ tiến sĩ Khóa 15 tuyển sinh trong năm 2026, mức học phí học lần đầu được áp dụng cho cả khóa học.

2. Mức học phí đối với đào tạo tiến sĩ là mức tạm tính. Nhà trường sẽ điều chỉnh mức học phí từ năm học 2027–2028 trở đi theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành. Mức điều chỉnh hằng năm không vượt quá tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

Nơi nhận

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Đăng trên Website của Trường;
- Lưu VT; KHTC.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đoàn Đức Tùng